

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2021
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2021**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ
Ông Phan Văn Thành	Chủ tịch
Ông Dương Chí Bình	Thành viên
Ông Phạm Xuân Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Thanh	Thành viên
Ông Phan Hữu Bằng	Thành viên
Ông Lê Vũ Thành	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Chí Bình	Giám đốc
Ông Phạm Xuân Thành	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Thanh	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính gồm các vị như sau:

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thị Thu Hương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Ngọc Thùy Dương	Thành viên
Ông Trần Duy Hà	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Phan Văn Thành - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



Phan Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Số: *08/201* /2021/BCSX-ICPA**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày *12* tháng *8* năm 2021 từ trang 6 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã phản ánh không trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**Vấn đề nhân mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II trong Thuyết minh Báo cáo tài chính về lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2021 bị âm 13.209.970.404 đồng và tại ngày 30/06/2021, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của công ty là 45.868.690.623 đồng. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục được nêu trong Thuyết minh số II.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty đang bị âm với số tiền 705.510.162 đồng (số dư quỹ khen thưởng phúc lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là âm 3.398.849.681 đồng, trong kỳ Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi để bù đắp khoản thâm hụt là 2.711.860.918 đồng).

Kết luận kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.

**Nguyễn Hoàng Giang****Phó Tổng Giám đốc**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0997-2021-072-01

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)

Hà Nội, Ngày 8 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.434.008.045	33.872.906.450
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.051.243.812	5.775.257.312
1. Tiền	111		4.051.243.812	5.775.257.312
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1.000.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.225.048.117	14.801.528.609
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	7.654.596.091	7.508.244.289
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		750.862.950	608.784.006
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	3.257.454.125	8.653.637.996
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(2.437.865.049)	(1.969.137.682)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	15.822.674.639	12.269.676.481
1. Hàng tồn kho	141		16.309.392.016	12.498.837.882
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(486.717.377)	(229.161.401)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		335.041.477	26.444.048
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		335.041.477	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	26.444.048
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		226.170.870.393	220.931.378.958
I. Tài sản cố định	220		82.391.558.450	76.046.115.531
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	82.391.558.450	76.046.115.531
- Nguyên giá	222		192.293.988.665	182.917.471.786
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(109.902.430.215)	(106.871.356.255)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		60.060.735.614	61.820.538.501
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	60.060.735.614	61.820.538.501
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		81.840.000.000	81.840.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.9	81.840.000.000	81.840.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.878.576.329	1.224.724.926
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.878.576.329	1.224.724.926
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		256.604.878.438	254.804.285.408

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		76.594.698.668	78.653.701.390
I. Nợ ngắn hạn	310		76.302.698.668	78.361.701.390
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	10.600.447.364	8.319.925.002
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	2.580.769.830	2.441.769.830
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	148.918.679	249.396.994
4. Phải trả người lao động	314		3.832.197.608	5.572.840.728
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	161.352.161	196.212.076
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	10.941.781.723	12.586.269.974
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	48.742.741.465	52.394.136.467
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(705.510.162)	(3.398.849.681)
II. Nợ dài hạn	330		292.000.000	292.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	292.000.000	292.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		180.010.179.770	176.150.584.018
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	179.330.179.770	175.470.584.018
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.817.910.000	170.817.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.817.910.000	170.817.910.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		232.634.000	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.279.635.770	4.652.674.018
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	(940.114.188)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		8.279.635.770	5.592.788.206
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		680.000.000	680.000.000
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		680.000.000	680.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		256.604.878.438	254.804.285.408



Phan Hữu Bằng
 Người lập biểu



Phan Hữu Bằng
 Kế toán trưởng





Phan Văn Thành
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Ngày 12 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	15.507.419.742	11.925.463.553
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		15.507.419.742	11.925.463.553
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	17.158.053.232	14.974.760.120
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(1.650.633.490)	(3.049.296.567)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.686.140.898	5.184.054.560
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.219.769.512	2.220.646.906
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.166.247.755	1.990.026.740
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	244.492.970	177.836.220
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	6.561.505.615	5.002.579.273
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.009.739.311	(5.266.304.406)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.382.524.510	1.228.652.544
12. Chi phí khác	32	VI.7	112.628.051	302.960.551
13. Lợi nhuận khác	40		1.269.896.459	925.691.993
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.279.635.770	(4.340.612.413)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.279.635.770	(4.340.612.413)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	405	(254)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		405	(254)



Phan Hữu Bằng
Người lập biểu



Phan Hữu Bằng
Kế toán trưởng



Phan Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 12 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.279.635.770	(4.340.612.413)
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.031.073.960	2.983.166.065
Các khoản dự phòng	03	726.283.343	652.936.025
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17.686.140.898)	(5.184.054.560)
Chi phí lãi vay	06	2.166.247.755	2.264.731.993
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	(3.482.900.070)	(3.623.832.890)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(914.400.280)	(1.519.903.338)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(3.552.998.158)	(436.540.367)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(2.404.712.823)	(4.952.323.847)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(653.851.403)	203.733.622
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.201.107.670)	(2.221.240.564)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(4.899.021)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(13.209.970.404)	(12.555.006.405)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(8.004.788.992)	(3.027.182.171)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.142.140.898	10.640.054.560
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	15.137.351.906	7.612.872.389
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	18.407.593.261	42.253.986.928
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(22.058.988.263)	(37.410.754.246)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.651.395.002)	4.843.232.682
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.724.013.500)	(98.901.334)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.775.267.312	955.728.443
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.051.243.812	856.827.109



Phan Hữu Bằng
 Người lập biểu



Phan Hữu Bằng
 Kế toán trưởng




Phan Văn Thành
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Ngày 02 tháng 08 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung được cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100114493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 01 năm 2020. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Trồng cây cao su: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ mủ cao su;
- Chế biến gỗ nguyên liệu, gỗ thành phẩm;

Tổng số cán bộ công nhân viên tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 440 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 440 người).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Trụ sở công ty: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Đơn vị	Tỷ lệ kiểm soát sở hữu	Tỷ lệ chính	Hoạt động	Địa chỉ
Hạch toán phụ thuộc				
Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu Phú Quý			Chế biến gỗ	Tp. Đồng Hới, Quảng Bình
Công ty liên doanh liên kết				
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình	27,28%	27,28%	Chăn nuôi bò	Huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 30/06/2021, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 45.868.690.623 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 44.488.794.940 đồng). Ngoài ra, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm 13.209.970.404 đồng (6 tháng năm 2020 là 12.555.006.405 đồng). Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2021 cũng như kết quả kinh doanh của công ty liên doanh liên kết.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

- Đưa thêm 200 ha diện tích cao su Kiến thiết cơ bản trồng năm 2014 tại các đơn vị đủ điều kiện vào khai thác thu bói;
- Triển khai chăm sóc và thu hoạch 10 ha cây trồng Hương Bài đến thời kỳ thu hoạch;
- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu từ Công ty đến các phòng ban, đơn vị trong phân hành công việc được giao, gắn chỉ tiêu hoàn thành với đánh giá cán bộ hằng kỳ, gắn kết quả thực hiện của đơn vị, phòng ban hàng kỳ với chế độ tiền lương, thưởng, đối với các chức danh cụ thể.
- Chú trọng và thực hiện nghiêm túc nếp sống "Văn hóa doanh nghiệp". Phải thực sự đổi mới phong cách, lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ Công ty. Tăng cường công tác quản lý cấp Công ty và cấp đơn vị. Lãnh đạo đơn vị phải bám đơn vị, bám sản xuất, tranh thủ luồn lách thời tiết đảm bảo nhất cạo, ngày cạo cho phép cao nhất. Chủ động, linh hoạt trong tổ chức sản xuất, trong điều hành tại đơn vị, không ỷ lại, không phụ thuộc. Tuân thủ sự chỉ đạo của các phòng chuyên môn nghiệp vụ. Ban Giám đốc Công ty, các phòng ban Công ty phải thường xuyên tăng cường công tác quản lý, giám sát, kiểm tra thực hiện của các đơn vị, đồng thời có các biện pháp sát đúng nhằm giúp các đơn vị tháo gỡ các khó khăn kịp thời, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, để 100% các đơn vị trực thuộc hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch giao.
- Xây dựng các phương án triển khai dự án trồng cây xen canh phù hợp, tái cơ cấu lại các khoản vay theo mục đích sử dụng trung và dài hạn nhằm đảm bảo cân bằng tài chính trong năm 2021 và các năm tiếp theo.
- Thực hiện đảm bảo tính dân chủ, công bằng, khách quan ở các đơn vị trong việc giao và thực hiện khoán, trong thù lao lao động và tiền lương đối với người lao động, nhưng luôn bảo đảm phù hợp với các chỉ tiêu doanh thu và chi phí của Công ty và đảm bảo đúng chế độ tiền lương Nhà nước quy định. Thực hành tiết kiệm chi phí một cách tối đa. Cắt giảm các chi phí phi sản xuất chung, chi phí quản lý nhằm đảm bảo kế hoạch đề ra
- Chú trọng nâng cao đời sống vật chất cho người lao động. Đảm bảo việc làm thường xuyên và thu nhập ổn định cho người lao động. Đồng thời giải quyết tốt các chế độ chính sách cho người lao động.
- Vận dụng có sáng tạo những thành tựu, những kết quả đúc rút từ kinh nghiệm thực tiễn vào sản xuất. Áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất, thường xuyên phát động phong trào cải tiến khoa học kỹ thuật, phong trào thi đua yêu nước trong sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong từng ngành, từng lĩnh vực.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Giả định hoạt động liên tục (Tiếp theo)

- Đối với các ngành sản xuất kinh doanh gỗ: tiếp tục thực hiện việc đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh trên tinh thần tự chủ, chủ động, có quy chế giám sát chặt chẽ. Tích cực tìm kiếm thị trường, khách hàng mới, duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm các chi phí đầu vào hợp lý, quyết tâm kinh doanh có lãi.
- Tiếp tục phối hợp tốt, nhanh chóng xử lý các vướng mắc hiện nay (nhất là về đất đai) và tạo mọi điều kiện để liên doanh Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình ổn định sản xuất và có hiệu quả, lợi nhuận cao hơn. Phân đấu lợi nhuận năm 2021 được chia cho Công ty từ Dự án chăn nuôi bò trên 40 tỷ đồng.

Hội đồng quản trị công ty và Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn cũng như các khoản hỗ trợ đầu tư các dự án đang triển khai của Ngân hàng. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021.

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được công ty áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính [kỳ hoạt động]. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. (nếu áp dụng)

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	06 - 40 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương lai tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	866 217 620	768 081 283
Tiền gửi ngân hàng	3 185 026 192	5 007 176 029
Cộng	4.051.243.812	5.775.257.312

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Đầu tư trái phiếu	1 000 000 000	1 000 000 000
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000

Khoản đầu tư trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình. Số lượng 10.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. kỳ hạn: 8 năm, lãi suất thả nổi và bằng lãi suất tham chiếu + Biên độ 0,9%/năm. Ngày phát hành: 30/07/2020. Ngày đáo hạn: 30/07/2028

3. Phải thu khách hàng

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần TAMICO	5.323.319.000	5.257.319.000
Công ty Cổ phần HD Furniture Group	1.221.019.260	866.897.900
Phải thu ngắn hạn khách hàng khác	1.110.257.831	1.384.027.389
Cộng	7.654.596.091	7.508.244.289

4. Phải thu khác ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tạm ứng	191.625.306	355.302.155
Phải thu khác	3.065.828.819	8.298.335.841
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu người lao động</i>	1.601.065.721	1.592.694.940
<i>Phải thu cổ tức lợi nhuận được chia</i>	-	5.456.000.000
<i>Phải thu khác</i>	1.464.763.098	1.249.640.901
Cộng	3.257.454.125	8.653.637.996
Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan	-	5.456.000.000

(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.2)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Nợ xấu

	30/06/2021		01/01/2021			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng	215.255.000	23.758.000	191.497.000	181.315.000	-	181.315.000
Ủy ban xã Vạn Trạch	60.500.000	-	60.500.000	60.500.000	-	60.500.000
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Cao Nguyễn	115.015.000	-	115.015.000	115.015.000	-	115.015.000
Đối tượng khác	39.740.000	23.758.000	15.982.000	5.800.000	-	5.800.000
Phải thu ngắn hạn khác	2.582.744.698	336.376.649	2.246.368.049	2.589.142.125	801.319.443	1.787.822.682
Nguyễn Thị Phương	65.969.581	19.790.874	46.178.707	65.969.581	19.790.874	46.178.707
Phan Thị Vân	60.877.129	18.263.139	42.613.990	60.877.129	18.263.139	42.613.990
Đối tượng khác	2.455.897.988	298.322.636	2.157.575.352	2.462.295.415	763.265.430	1.699.029.985
Cộng	2.797.999.698	360.134.649	2.437.865.049	2.770.457.125	801.319.443	1.969.137.682

6. Hàng tồn kho

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.225.323.104	-	1.318.640.456	-
Công cụ, dụng cụ	267.715.595	-	155.083.007	-
Chi phí SXKD dở dang	11.042.854.846	-	10.047.232.709	-
Thành phẩm	3.750.786.654	465.014.650	955.169.893	229.161.401
Hàng hóa	22.711.817	21.702.727	22.711.817	-
Cộng	16.309.392.016	486.717.377	12.498.837.882	229.161.401

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây lâu năm súc vật làm việc cho sản phẩm	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2021	101.545.923.312	17.298.453.642	5.167.481.782	1.807.652.327	55.114.411.272	1.983.549.451	182.917.471.786
Mua trong kỳ	-	254.595.000	-	-	-	-	254.595.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	2.045.757.273	944.700.000	-	176.875.818	5.954.588.788	-	9.121.921.879
Tại ngày 30/06/2021	103.591.680.585	18.497.748.642	5.167.481.782	1.984.528.145	61.069.000.060	1.983.549.451	192.293.988.665
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2021	67.852.585.067	15.128.313.922	4.806.645.094	1.547.989.887	17.086.970.787	448.851.498	106.871.356.255
Khấu hao trong kỳ	1.735.595.950	177.234.056	56.459.844	55.454.861	964.043.710	42.285.539	3.031.073.960
Tại ngày 30/06/2021	69.588.181.017	15.305.547.978	4.863.104.938	1.603.444.748	18.051.014.497	491.137.037	109.902.430.215
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2021	33.693.338.245	2.170.139.720	360.836.688	259.662.440	38.027.440.485	1.534.697.953	76.046.115.531
Tại ngày 30/06/2021	34.003.499.568	3.192.200.664	304.376.844	381.083.397	43.017.985.563	1.492.412.414	82.391.558.450

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 22.749.072.502 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 22.714.072.502 đồng).

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 14.543.817.272 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 15.399.748.717 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Cao su trồng năm 2013	-	5.954.588.788
Cao su trồng năm 2014	30.246.165.843	27.184.343.804
Cao su trồng năm 2015	19.787.148.554	18.922.630.067
Cao su trồng năm 2016	5.233.486.823	5.150.190.793
Cao su trồng năm 2018	3.350.276.529	3.104.688.093
Cao su trồng năm 2019	1.017.533.821	1.017.533.821
Khác	426.124.044	486.563.135
Cộng	60.060.735.614	61.820.538.501

9. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình theo hợp đồng góp vốn ngày 12/01/2016 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và Công ty TNHH MTV Việt Trung. Công ty thực hiện góp vốn bằng tài sản trên diện tích đất 614,44 ha tại các tiểu khu Hữu Nghị, Truyền Thống, Dững Cầm, Sao Vàng có giá trị 81.840.000.000 đồng (Tám mươi một tỷ, tám trăm bốn mươi triệu đồng chẵn). Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình được thành lập và hoạt động tại huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016, ngành nghề kinh doanh chính là chăn nuôi. Tại ngày 01/01/2021 và 30/06/2021 tỷ lệ sở hữu của Công ty là 27,28%, tỷ lệ kiểm soát là 27,28%.

10. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	443.258.658	465.920.165
Chi phí sửa chữa	1.435.317.671	744.644.156
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	14.160.605
Cộng	1.878.576.329	1.224.724.926

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Quảng Bình	875.604.400	1.875.604.400
Chi nhánh Quảng Bình Công ty Cổ phần Tổng công ty Sông Gianh	2.661.334.400	2.661.334.400
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình	1.502.493.000	-
Công ty TNHH Cơ khí - Xây dựng TM Vinh Phát	1.155.720.000	642.840.000
Phải trả nhà cung cấp khác	4.405.295.564	3.140.146.202
Cộng	10.600.447.364	8.319.925.002
Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.2)	1.502.493.000	-

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả người bán.

12. Người mua trả tiền trước

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Long Phú	382.800.000	382.800.000
Công ty TNHH Thương Mại Nhất Tài Lộc	739.035.000	442.035.000
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Trường Sinh	1.370.458.700	1.370.458.700
Người mua khác	88.476.130	246.476.130
Cộng	2.580.769.830	2.441.769.830

13. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	30/06/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp /bù trừ trong kỳ	01/01/2021
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	26.444.048	-	26.444.048
Cộng	-	26.444.048	-	26.444.048
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	140.490.749	1.336.029.423	1.443.607.713	248.069.039
Thuế thu nhập cá nhân	-	18.420.754	18.420.754	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	324.881.614	324.881.614	-
Các loại thuế khác	8.427.930	12.427.930	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	7.070.000	8.397.955	1.327.955
Cộng	148.918.679	1.698.829.721	1.799.308.036	249.396.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. Chi phí phải trả

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Lãi vay phải trả	161.352.161	196.212.076
Cộng	161.352.161	196.212.076

15. Phải trả khác

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	10.941.781.723	12.586.269.974
Kinh phí công đoàn	1.350.875.257	1.855.133.735
Bảo hiểm xã hội	4.266.171.517	7.082.216.274
Bảo hiểm y tế	97.089.335	96.663.441
Bảo hiểm thất nghiệp	42.910.678	42.606.958
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	10.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.184.734.936	3.499.649.566
Trong đó		
- Phải nộp thanh tra tỉnh Quảng Bình	834.853.000	834.853.000
- Cổ tức	1.708.179.100	-
- Lãi chậm trả tiền hàng	2.181.171.300	2.307.818.932
- Phải trả khác	460.531.536	356.977.634
b) Dài hạn	292.000.000	292.000.000
Ký quỹ ký cược	292.000.000	292.000.000
Cộng	11.233.781.723	12.878.269.974
Trong đó: Phải trả khác là bên liên quan	1.708.179.100	-
(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.2)		

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2021	Tăng	Giảm	01/01/2021
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {a}	24.885.261.554	10.226.115.088	8.204.638.585	22.863.785.051
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {b}	16.331.256.513	7.836.478.173	7.975.866.106	16.470.644.446
Vay cá nhân {c}	6.160.000.000	345.000.000	4.260.000.000	10.075.000.000
Cộng vay ngắn hạn	47.376.518.067	18.407.593.261	20.440.504.691	49.409.429.497
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số V.16b)	1.366.223.398			2.984.706.970
Cộng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	48.742.741.465			52.394.136.467

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay ngắn hạn.

- {a} Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng hạn mức số 807004465320/2011-HĐCVHM/NHCT470-VIETTRUNG ngày 06/04/2021, tổng dư nợ vay theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 25.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay và lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động trồng, khai thác và chế biến mủ cao su; chế biến và tiêu thụ gỗ rừng trồng; sản xuất giống cây cao su, cây lâm nghiệp, hồ tiêu;... Khoản vay được đảm bảo bằng các vườn cây cao su trồng từ năm 1984 đến 2008; trụ sở công ty; tài sản gắn liền với đất của nhà máy chế biến cao su và tài sản gắn liền với đất của nhà đội Thống Nhất, Xung Kích, Chiến Thắng, Quyết Tiến,...; hợp đồng cầm cố trái phiếu.
- {b} Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình bao gồm 16 hợp đồng cho vay theo món. Các hợp đồng vay có thời gian vay từ 9 tháng đến 11 tháng, lãi suất từ 8,65%/năm đến 8,95%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản vay được bảo đảm bằng tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc tại phân xưởng tinh chế nhà máy chế biến gỗ Phú Quý.
- {c} Các khoản vay ngắn hạn cá nhân theo các hợp đồng cho vay có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng lãi suất từ 9%/năm đến 11,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn (tiếp theo)****b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	30/06/2021 VND	Tăng VND	Giảm VND	01/01/2021 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {a}	1.366.223.398	-	1.618.483.572	2.984.706.970
Cộng Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.366.223.398	-	1.618.483.572	2.984.706.970
Phân loại sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(1.366.223.398)			(2.984.706.970)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {a}	(1.366.223.398)			(2.984.706.970)
Cộng	-			-

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay dài hạn.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 338/2015-HĐTDDA/NHCT470-NT VIETTRUNG ngày 13/02/2015. Số tiền cam kết cho vay không vượt quá 13.900.000.000 đồng, thời hạn giải ngân là 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn ân hạn là 30 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: đầu tư dự án chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản trồng từ năm 2009 - 2013, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là trụ sở Công ty, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các đội Sao Vàng, Đoàn Kết, Chiến Thắng.

Các hợp đồng vay dài hạn ngân hàng được trả nợ theo kế hoạch:

	30/06/2021 VND	01/01/2020 VND
Trong vòng một năm	1.366.223.398	2.984.706.970
Từ hai đến năm thứ năm	-	-
Cộng	1.366.223.398	2.984.706.970
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	1.366.223.398	2.984.706.970
Số phải trả sau 12 tháng	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	170.817.912.550	-	(18.078.565.671)	152.739.346.879
Lãi trong năm	-	-	5.592.788.206	5.592.788.206
Tăng khác	-	-	17.138.451.483	17.138.451.483
Giảm khác	(2.550)	-	-	(2.550)
Tại ngày 01/01/2021	170.817.910.000	-	4.652.674.018	175.470.584.018
Lỗ trong kỳ	-	-	8.279.635.770	8.279.635.770
Phân phối lợi nhuận (i)	-	232.634.000	(232.634.000)	-
Chia cổ tức (i)	-	-	(1.708.179.100)	(1.708.179.100)
Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(2.711.860.918)	(2.711.860.918)
Tại ngày 30/06/2021	170.817.910.000	232.634.000	8.279.635.770	179.330.179.770

(i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/06/2021, theo đó, lợi nhuận sau thuế năm 2019 và 2020 được chia như sau:

Trích quỹ đầu tư phát triển:	232.634.000 đồng
Chia cổ tức 100 đồng/1CP tương ứng số tiền:	1.708.179.100 đồng
Trích bù đắp quỹ khen thưởng phúc lợi:	2.711.860.918 đồng

b) Cổ phiếu

	30/06/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.081.791	17.081.791
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.081.791	17.081.791
- Cổ phiếu phổ thông	17.081.791	17.081.791
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.081.791	17.081.791
- Cổ phiếu phổ thông	17.081.791	17.081.791

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.507.419.742	11.925.463.553
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	15.507.419.742	11.925.463.553
Cộng	15.507.419.742	11.925.463.553

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	16.900.497.256	14.582.820.470
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	257.555.976	391.939.650
Cộng	17.158.053.232	14.974.760.120

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.976.692	854.560
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.618.646.398	5.183.200.000
Lãi đầu tư trái phiếu	63.517.808	-
Cộng	17.686.140.898	5.184.054.560

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lãi tiền vay	2.166.247.755	1.990.026.740
Lãi chậm thanh toán tiền hàng	53.521.757	230.620.166
Cộng	2.219.769.512	2.220.646.906

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
a) Chi phí bán hàng		
Chi phí mua ngoài	227.992.970	171.216.220
Chi phí bằng tiền khác	16.500.000	6.620.000
Cộng	244.492.970	177.836.220
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	3.194.134.915	2.272.523.279
Chi phí khấu hao	688.518.199	679.649.126
Chi phí trả trước	172.870.249	150.104.180
Thuế phí và lệ phí	405.535.544	200.259.361
Trích dự phòng phải thu khó đòi	468.727.367	302.503.790
Chi phí mua ngoài	4.840.000	675.033.444
Chi phí bằng tiền khác	1.626.879.341	722.506.093
Cộng	6.561.505.615	5.002.579.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Tiền bồi hoàn độ phí của đất	1.043.135.001	1.078.984.500
Cho thuê nhà ở, văn phòng	208.350.000	98.300.000
Thu nhập khác	131.039.509	51.368.044
Cộng	1.382.524.510	1.228.652.544

7. Chi phí khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Phạt chậm nộp thuế	7.343.736	-
Chi phí trồng sản	56.878.900	-
Lãi chậm nộp bảo hiểm	16.321.152	281.970.551
Các khoản khác	32.084.263	20.990.000
Cộng	112.628.051	302.960.551

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lợi nhuận trước thuế	8.279.635.770	(4.340.612.413)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(17.594.981.510)	(4.880.239.449)
Các khoản điều chỉnh tăng	23.664.888	302.960.551
Các khoản điều chỉnh giảm	(17.618.646.398)	(5.183.200.000)
Thu nhập chịu thuế	(9.315.345.740)	(9.220.851.862)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.279.635.770	(4.340.612.413)
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (*)	(1.355.930.459)	-
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.923.705.311	(4.340.612.413)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.081.791	17.081.791
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	405	(254)

(*) Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 50% giá trị trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 06 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.081.791	17.081.791
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu suy giảm	17.081.791	17.081.791

(*) Trong kỳ căn cứ Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/06/2021 thông qua việc triển khai phương án phân phối lợi nhuận năm 2020. Theo đó Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020 phù hợp với hướng dẫn tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu".

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020 do ảnh hưởng của việc điều chỉnh giá trị doanh nghiệp, vốn điều lệ, phần vốn của Nhà nước theo Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 29/09/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Cụ thể như sau:

	Số báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	(4.340.612.413)	-	(4.340.612.413)
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	-	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4.340.612.413)	-	(4.340.612.413)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.572.372	(1.490.581)	17.081.791
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(234)		(254)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.020.385.806	8.579.587.323
Chi phí nhân công	12.698.325.486	9.370.693.551
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.031.073.960	2.983.166.065
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.193.854.859	1.371.494.473
Chi phí khác bằng tiền	2.909.313.044	883.755.063
Cộng	26.852.953.155	23.188.696.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo theo lĩnh vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

	Hoạt động kinh doanh Cao su 30/06/2021 VND	Hoạt động kinh doanh Gỗ 30/06/2021 VND	Hoạt động kinh doanh khác 30/06/2021 VND	Tổng cộng 30/06/2021 VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	12.241.065.209	12.473.785.848	-	24.714.851.057
Tài sản không phân bổ	-	-	-	231.890.027.381
Tổng tài sản	12.241.065.209	12.473.785.848	-	256.604.878.438
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	10.231.203.053	2.950.014.141	-	13.181.217.194
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	63.413.481.474
Tổng nợ phải trả	10.231.203.053	2.950.014.141	-	76.594.698.668
	01/01/2021 VND	01/01/2021 VND	01/01/2021 VND	01/01/2021 VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	8.387.927.029	12.227.939.148	-	20.615.866.177
Tài sản không phân bổ	-	-	-	234.188.419.231
Tổng tài sản	8.387.927.029	12.227.939.148	-	254.804.285.408
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	8.317.081.849	2.444.612.983	-	10.761.694.832
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	67.892.006.558
Tổng nợ phải trả	8.317.081.849	2.444.612.983	-	78.653.701.390

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo theo lĩnh vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

	Hoạt động kinh doanh Cao su VND	Hoạt động kinh doanh Gỗ VND	Hoạt động kinh doanh khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	6.899.733.240	8.607.686.502	-	15.507.419.742
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	6.899.733.240	8.607.686.502	-	15.507.419.742
Khấu hao và chi phí phân bổ	11.959.593.983	12.004.457.834	-	23.964.051.817
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(5.059.860.743)	(3.396.771.332)	-	(8.456.632.075)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(5.059.860.743)	(3.396.771.332)	-	(8.456.632.075)
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	17.686.140.898
Lãi (lỗ) khác				1.269.896.459
Chi phí tài chính				(2.219.769.512)
Lợi nhuận trước thuế				8.279.635.770
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp				-
Lợi nhuận trong kỳ				8.279.635.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo theo lĩnh vực địa lý (Tiếp theo)****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

	Hoạt động kinh doanh Cao su	Hoạt động kinh doanh Gỗ	Hoạt động kinh doanh khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	4.248.827.500	7.676.636.053	-	11.925.463.553
Tổng Doanh thu	4.248.827.500	7.676.636.053	-	11.925.463.553
Khấu hao và chi phí phân bổ	8.493.404.784	11.661.770.829	-	20.155.175.613
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(4.244.577.284)	(3.985.134.776)	-	(8.229.712.060)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(4.244.577.284)	(3.985.134.776)	-	(8.229.712.060)
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	5.184.054.560
Lãi (lỗ) khác				925.691.993
Chi phí tài chính				(2.220.646.906)
Lợi nhuận trước thuế				(4.340.612.413)
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp				-
Lợi nhuận trong kỳ				(4.340.612.413)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan

Bên liên quan

Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình
 Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty liên doanh
 Lãnh đạo chủ chốt

Các giao dịch với các bên liên quan

	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND</u>
Cổ tức		
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	17.618.646.398	5.183.200.000

Số dư với các bên liên quan

	<u>30/06/2021 VND</u>	<u>01/01/2021 VND</u>
Các khoản phải thu khác		
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	-	5.456.000.000
Các khoản phải trả người bán		
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	1.502.493.000	-
Các khoản phải trả khác		
Cổ tức phải trả	1.708.179.100	-

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban Kiểm soát trong kỳ:

	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND</u>
Ông Phan Văn Thành - Chủ tịch HĐQT	138.957.600	129.957.600
Ông Dương Chí Bình - Giám đốc; Thành viên HĐQT	122.997.600	106.951.520
Ông Phạm Xuân Thành - Phó Giám đốc; Thành viên HĐQT	111.333.600	105.333.600
Ông Nguyễn Hải Thanh - Phó Giám đốc; Thành viên HĐQT	111.333.600	105.333.600
Ông Phan Hữu Bằng - Kế toán trưởng; Thành viên HĐQT	111.333.600	31.600.080
Ông Lê Vũ Thành - Thành viên HĐQT	6.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hải - Thành viên HĐQT	6.000.000	-
Bà Hoàng Thị Thu Hương - Trưởng Ban kiểm soát	111.333.600	105.333.600
Bà Nguyễn Ngọc Thùy Dương - Thành viên Ban kiểm soát	4.200.000	-
Ông Trần Duy Hà - Thành viên Ban kiểm soát	4.200.000	-
Cộng	<u>727.689.600</u>	<u>584.510.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến ngày lập Báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 đã được soát xét.



Phan Hữu Bằng
Người lập biểu



Phan Hữu Bằng
Kế toán trưởng



Phan Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 12 tháng 8 năm 2021